

Bản án số: 44/2019/HS-PT
Ngày: 10 - 9 - 2019

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Minh Tự

Ông Ngô Đề

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2019/TLPT-HS, ngày 19/8/2019 đối với bị cáo Lê Tuấn K do có kháng cáo của bị cáo Lê Tuấn K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2019/HS-ST, ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Tuấn K**, sinh ngày 29/5/2000 tại huyện T C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Ba T A, xã Tân H, huyện T C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê T B và bà Trần Thị K; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: không; N thân: tốt; Bị cáo được tại ngoại. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Ông Trần Chí T, sinh năm 2000. Nơi cư trú: ấp Rùm S, xã Châu Đ, huyện C K, tỉnh Trà Vinh; (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 543 Võ Nguyên G, khóm 10, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số 543 Võ Nguyên G, khóm 10, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; (Có mặt)

Ông Trần Văn P, sinh năm 1963. Nơi cư trú: ấp Rùm S, xã Châu Đ, huyện C K, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có đại diện hợp pháp cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng do không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không có kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 01/12/2018, sau khi đi dự tiệc và có rượu trong người thì bị cáo Lê Tuấn K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84B1-54797 chở người ngồi sau là Thạch Oanh N chạy theo hướng từ ấp Con L đến ấp Long T, xã Tân H, huyện T C. Đến khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày, xe mô tô do bị cáo điều khiển di chuyển với tốc độ khoảng 60-70km/h đến khu vực ngã tư giao nhau giữa đường không ưu tiên với đường ưu tiên. Lúc này xe bị cáo điều khiển di chuyển từ trong lộ nhựa nông thôn chạy thẳng cắt ngang với Hương lộ 25, do không có quan sát, không giảm tốc độ nên khi bị cáo vừa chạy lên Hương lộ 25 khoảng 0,4m thì phát hiện có xe lưu thông trên Hương lộ 25, do khoảng cách quá gần, không xử lý kịp nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô mang biển kiểm soát 84H1-6963 do ông Nguyễn Hùng D chở hai người ngồi sau là Trần Chí T (ngồi giữa) và Kim Thị Chhai L (ngồi sau). Tai nạn xảy ra làm bà Kim Thị Chai L bị thương tích, rơi xuống nước tử vong tại hiện trường, còn ông D, ông T và bị cáo đều bị thương tích được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh cấp cứu, riêng ông N bị thương tích nhẹ và không có đến cơ sở y tế để điều trị.

Căn cứ vào Kết luận giám định pháp y số: 394/KLGD(PY) ngày 05/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, kết luận: Nguyễn N chính dẫn đến tử vong của bà Kim Thị Chhai L là do đa chấn thương.

Căn cứ vào bản Kết luận giám định pháp y số: 15/TgT ngày 18/01/2019 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Hùng D là 22% (hai mươi hai phần trăm).

Căn cứ vào bản Kết luận giám định pháp y số: 32/TgT ngày 25/02/2019 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Trần Chí T là 26% (hai mươi sáu phần trăm).

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 13 ngày 04/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T C kết luận: Phụ tùng xe mô tô nhãn hiệu WAIT, màu xanh, biển số: 84H1-6963, số khung: DBCH034PD407798, số máy: P52FMH340007798, tại thời điểm xảy ra tai nạn của ông Nguyễn Hùng D bị thiệt hại có giá là 205.500 đồng

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2019/HS-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Tuấn K phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 326, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn K 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/7/2019, bị cáo Lê Tuấn K kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm xin được giảm nhẹ hình phạt, bị cáo xin được hưởng án treo và xem xét cho bị cáo không phải bồi thường trách nhiệm dân sự cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Chí T.

Ngày 18/7/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Chí T kháng cáo yêu cầu bị cáo Lê Tuấn K bồi thường tiền xe đi cấp cứu là 4.000.000đ, tiền mất ngày công lao động từ ngày xuất viện đến khi xét xử là 166 ngày x 200.000đ/ngày = 33.200.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo thừa nhận tòa án sơ thẩm xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo và xin rút lại yêu cầu kháng cáo về bồi thường trách nhiệm dân sự đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Chí T.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Chí T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bị cáo bồi thường tiền xe 03 chuyến (gồm 01 chuyến cấp cứu, 02 chuyến tái khám) bằng xe dịch vụ ô tô với số tiền là 4.000.000đ và tiền mất thu nhập do không lao động được từ ngày xuất viện đến ngày xét xử sơ thẩm là 166 ngày với số tiền là 33.200.000đ vì hiện tại ông vẫn còn đi bằng tó và vẫn tái khám theo chỉ định của bác sĩ, tổng cộng là 37.200.000đ. Đối với các yêu cầu này của ông Trần Chí T được bị cáo tự nguyện đồng ý.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội và yêu cầu kháng cáo bị cáo Lê Tuấn K. Vị kiểm sát viên cho rằng án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Tuấn K phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Về mức hình phạt án sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ là bị cáo có bà nội bà Trần Thị C được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, tuy nhiên tình tiết này đã được cấp sơ thẩm xem xét khi lượng hình cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo. Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Tuấn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Chí T, buộc bị cáo bồi thường cho ông K số tiền là 37.200.000 đồng. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo bồi thường thiệt hại của ông Trần Chí T, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và ông T, buộc bị cáo bồi thường cho ông T tổng cộng số tiền là 148.319.533đ; sửa bản án số 29/2019/HS-ST ngày 04/7/2019 của Tòa án N dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh về

phần bồi thường trách nhiệm dân sự và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo về bồi thường trách nhiệm dân sự đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Tuấn K, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Chí T là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều đúng với quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì đối với các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Tuấn K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo K khai nhận chưa qua quá trình học luật giao thông đường bộ và chưa được cấp giấy phép lái xe theo đúng theo quy định pháp luật nhưng bị cáo lại điều khiển xe lưu thông trên đường trong tình trạng có uống rượu, bia, nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo vượt hơn gấp nhiều lần so với mức quy định, thiếu quan sát nên không thấy biển báo hiệu đường bộ cảnh báo giao nhau với đường ưu tiên dựng bên lề phải trên đường bị cáo tham gia giao thông, nên khi điều khiển xe chạy ra ngã tư giao nhau với đường ưu tiên, bị cáo không nhường đường cho các phương tiện tham gia giao thông trên đường ưu tiên nên đụng vào xe do ông Nguyễn Hùng D điều khiển chở phía sau là ông Trần Chí T và bà Kim Thị Chhai L đang lưu thông trên đường ưu tiên chạy đến là đã vi phạm vào khoản 8, khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là nhất quán với nhau không thay đổi, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như biên bản hiện trường, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của ông D và ông T. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng xác định lời khai tại cơ quan điều tra là do bị cáo tự khai, tự do trình bày theo đúng sự việc, không bị ai ép buộc, dùng nhục hình hay bị xúy giục, dụ dỗ, do đó có đủ cơ sở xác định lời khai của bị cáo là khách quan; các văn bản cơ quan tiến hành tố tụng ban hành được cấp, tổng đạt đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hành vi của bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 03 (ba) năm tù là đã xem xét đánh giá một cách toàn diện, khách quan tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định pháp luật, đáp ứng được yêu cầu trong phòng chống tội phạm và phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo cung cấp thêm tình tiết gia đình bị cáo có người thân tham gia cách mạng (bà nội của bị cáo là bà Trần Thị C được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì). Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 và đã được cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về kháng cáo của ông Trần Chí T yêu cầu bị cáo bồi thường tiền xe là 4.000.000đ, tiền ngày công lao động là 33.200.000đ. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện đồng ý số tiền trên cho ông Trần Chí T, xét thấy việc thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về phần kháng cáo của bị cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm đối với phần bồi thường trách nhiệm dân sự cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Chí T: Tại phiên tòa bị cáo xin rút lại yêu cầu này, việc rút một phần yêu cầu kháng cáo này của bị cáo là tự nguyện nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không sửa đổi có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo và ông Trần Chí T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo của bị cáo Lê Tuấn K.

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Chí T.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo về bồi thường trách nhiệm dân sự đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2019/HS-ST, ngày 04/7/2019 của Tòa án N dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh về phần bồi thường trách nhiệm dân sự và phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Tuấn K phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn K 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Tuấn K và ông Trần Chí T. Buộc bị cáo Lê Tuấn K bồi thường cho ông Trần Chí T số tiền là 157.319.533đ (Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi ba đồng) nhưng được trừ vào số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) mà bị cáo đã khắc phục trước đó. Bị cáo tiếp tục bồi thường cho ông T số tiền là 148.319.533đ (Một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Tuấn K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Tuấn K và ông Trần Chí T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không sửa đổi đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện T C;
- VKSND huyện T C;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành

